

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY SÀI GÒN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 23
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/06/2007.

Trụ sở chính của Công ty: 419 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Tấn Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Bình	Thành viên
Ông Vũ Đình Khang	Thành viên
Ông Ngô Xuân Thúc	Thành viên
Ông Lê Trung Nam	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Tấn Tài	Giám đốc	
Ông Đào Văn Nam	Phó Giám đốc	(Nghỉ hưu từ T4/2013)
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban
Ông Diệp Quốc Thanh	Thành viên
Ông Ngô Trọng Khanh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn

419 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Huỳnh Tấn Tài

Số: 138 /2014/BC.KTTC-AASC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn được lập ngày 20 tháng 03 năm 2014 từ trang 06 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCs). Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 21 tháng 03 năm 2013.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Giám đốc

Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 0522-13-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thái

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 1623-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		32.743.414.726	39.673.968.988
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.471.559.387	10.177.788.626
111	1. Tiền		1.471.559.387	10.177.788.626
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	700.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	700.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		20.694.896.409	16.213.680.318
131	1. Phải thu của khách hàng		20.654.567.507	16.213.680.318
135	5. Các khoản phải thu khác		40.328.902	-
140	IV. Hàng tồn kho	4	7.324.253.707	8.541.036.909
141	1. Hàng tồn kho		7.324.253.707	8.541.036.909
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.252.705.223	4.041.463.135
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2.307.191.081	3.256.636.549
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5	366.249.062	53.743.209
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	579.265.080	731.083.377
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		489.950.980	929.617.818
220	II. Tài sản cố định		489.950.980	847.162.878
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	489.950.980	847.162.878
222	- Nguyên giá		29.094.270.672	32.000.823.359
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.604.319.692)	(31.153.660.481)
260	V. Tài sản dài hạn khác		-	82.454.940
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	82.454.940
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		33.233.365.706	40.603.586.806

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		16.738.190.112	15.076.261.622
310	I. Nợ ngắn hạn		16.738.190.112	13.933.845.822
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	8	2.128.853.561	-
312	2. Phải trả người bán		5.953.358.824	6.430.994.224
313	3. Người mua trả tiền trước		2.449.786.971	484.057.508
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	5.622.537	418.041.488
315	5. Phải trả người lao động		3.996.057.635	4.705.009.502
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	10	1.968.342.085	1.667.057.253
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		236.168.499	228.685.847
330	II. Nợ dài hạn		-	1.142.415.800
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	1.142.415.800
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.495.175.594	25.527.325.184
410	I. Vốn chủ sở hữu	11	16.495.175.594	25.527.325.184
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		16.000.000.000	16.000.000.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(714.990.000)	(714.990.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		6.880.785.379	2.550.693.265
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.242.894.213	1.246.894.213
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(6.913.513.998)	6.444.727.706
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		33.233.365.706	40.603.586.806

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		22.449,24	452.371,47

Người lập



Nguyễn Thị Lý

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lý

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Giám đốc



Huyền Tân Tài

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		85.991.823.285	114.849.993.941
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	9.857.892
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	85.991.823.285	114.840.136.049
11	4. Giá vốn hàng bán	13	83.617.675.732	101.683.462.669
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.374.147.553	13.156.673.380
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	528.768.801	604.963.268
22	7. Chi phí tài chính	15	143.443.204	721.679.259
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		143.443.204	-
24	8. Chi phí bán hàng	16	1.529.985.388	2.081.608.640
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	9.726.127.910	8.957.911.771
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.496.640.148)	2.000.436.978
31	11. Thu nhập khác	18	1.594.520.004	843.402.248
32	12. Chi phí khác	19	3.270.354	663.230.217
40	13. Lợi nhuận khác		1.591.249.650	180.172.031
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(6.905.390.498)	2.180.609.009
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	8.123.500	1.003.166.073
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		82.454.940	(82.454.940)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.995.968.938)	1.259.897.876
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	(4.643)	836

Người lập



Nguyễn Thị Lý

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lý

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014



Huỳnh Tấn Tài

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		84.026.279.289	109.936.921.755
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(47.872.734.140)	(71.532.179.878)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(35.796.927.934)	(42.981.792.820)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(143.443.204)	-
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(757.606.914)	(1.504.866.516)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.315.454.668	11.423.754.855
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.531.235.437)	(17.580.545.425)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(10.760.213.672)</i>	<i>(12.238.708.029)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(12.727.272)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(200.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		700.000.000	200.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		79.962.573	604.963.268
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>779.962.573</i>	<i>592.235.996</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		18.639.737.795	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(16.510.884.234)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.645.020.000)	(3.403.180.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>483.833.561</i>	<i>(3.403.180.000)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(9.496.417.538)	(15.049.652.033)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.877.788.626	25.924.956.214
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		90.188.299	2.484.445
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.471.559.387	10.877.788.626

Người lập



Nguyễn Thị Lý

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lý

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Giám đốc



Huỳnh Tấn Tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giày Sài Gòn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 25/06/2007.

Trụ sở chính của Công ty: 419 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 đồng; tương đương 1.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh giày dép, túi xách, cặp táp các loại (không thuộc da tại trụ sở);
- Kinh doanh nguyên phụ liệu ngành giày dép, túi xách, cặp táp;
- Đại lý mua bán, ký gửi giày dép, túi xách, cặp táp cho nước ngoài;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Mua bán nguyên phụ liệu ngành dệt may;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô;
- Đại lý tàu biển;
- Dịch vụ lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Nhà hàng ăn uống.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7/12/2009

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

Từ tháng 6/2013 Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng.

2.8 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.13 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	57.689.501	49.930.854
Tiền gửi ngân hàng	1.413.869.886	10.127.857.772
	<u>1.471.559.387</u>	<u>10.177.788.626</u>

4 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.628.187.466	3.777.639.356
Công cụ, dụng cụ	102.369.963	102.425.029
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.301.329.283	1.752.618.367
Thành phẩm	4.292.366.995	2.908.354.157
	<u>7.324.253.707</u>	<u>8.541.036.909</u>

5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu	27.878.904	27.878.904
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	331.694.286	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	19.188.433
Các loại thuế khác	6.675.872	6.675.872
	<u>366.249.062</u>	<u>53.743.209</u>

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	579.265.080	731.083.377
	<u>579.265.080</u>	<u>731.083.377</u>

Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn

419 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	18.144.639.291	12.472.007.518	886.641.052	497.535.498	32.000.823.359
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	(2.757.851.895)	(23.600.000)	(125.100.792)	(2.906.552.687)
- <i>Giảm theo TT45/2013/TT-BTC</i>	-	(2.757.851.895)	(23.600.000)	(125.100.792)	(2.906.552.687)
Số dư cuối năm	18.144.639.291	9.714.155.623	863.041.052	372.434.706	29.094.270.672
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	17.493.443.932	12.443.918.596	742.672.385	473.625.568	31.153.660.481
Số tăng trong năm	199.583.076	18.543.972	115.174.920	16.082.658	349.384.626
- <i>Khấu hao trong năm</i>	199.583.076	18.543.972	115.174.920	16.082.658	349.384.626
Số giảm trong năm	-	(2.757.851.895)	(23.600.000)	(117.273.520)	(2.898.725.415)
- <i>Giảm theo TT45/2013/TT-BTC</i>	-	(2.757.851.895)	(23.600.000)	(117.273.520)	(2.898.725.415)
Số dư cuối năm	17.693.027.008	9.704.610.673	834.247.305	372.434.706	28.604.319.692
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	651.195.359	28.088.922	143.968.667	23.909.930	847.162.878
Số dư cuối năm	451.612.283	9.544.950	28.793.747	-	489.950.980

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 461.157.233 VND
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.283.979.154 VND

15
C
C
T
A
N

8 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh TP.HCM	2.128.853.561	-
	<u>2.128.853.561</u>	<u>-</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Hợp đồng tín dụng số: 0172/KH/13NH ngày 31/07/2013 , với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 7 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: 5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ hệ thống máy móc và nhà xưởng của Công ty tại số 419 Lê Hồng Phong, Phường 2, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	417.789.128
Thuế Thu nhập cá nhân	5.574.417	-
Thuế Tài nguyên	48.120	252.360
	<u>5.622.537</u>	<u>418.041.488</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	950.705.085	582.849.653
Phải trả cổ tức cho cổ đông	979.200.000	816.000.000
Thu chi hộ tiền CBCNV mua cổ phần trả chậm	-	214.810.600
Phải trả, phải nộp khác	38.437.000	53.397.000
	<u>1.968.342.085</u>	<u>1.667.057.253</u>

II . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	16.000.000.000	-714.990.000	(1.014.820.842)	2.424.693.265	1.183.894.213	7.006.679.830	24.885.456.466
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.259.897.876	1.259.897.876
Trích lập các quỹ	-	-	-	126.000.000	63.000.000	(189.000.000)	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(126.000.000)	(126.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(1.506.850.000)	(1.506.850.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	1.014.820.842	-	-	-	1.014.820.842
Số dư cuối năm trước	16.000.000.000	(714.990.000)	-	2.550.693.265	1.246.894.213	6.444.727.706	25.527.325.184
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(6.995.968.938)	(6.995.968.938)
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	4.330.092.114	(4.000.000)	(4.326.092.114)	-
Trích quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(227.960.652)	(227.960.652)
Chi trả cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(1.808.220.000)	(1.808.220.000)
Số dư cuối năm nay	16.000.000.000	(714.990.000)	-	6.880.785.379	1.242.894.213	(6.913.513.998)	16.495.175.594

(*) : Phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Tờ trình kèm theo Biên bản và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 08/05/2013.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của SCIC	51,00%	8.160.000.000	51,00%	8.160.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	43,18%	7.125.010.000	43,18%	7.125.010.000
Cổ phiếu quỹ	5,82%	714.990.000	5,82%	714.990.000
	100%	16.000.000.000	100%	16.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.000.000.000	16.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	16.000.000.000	16.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	16.000.000.000	16.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.808.220.000	1.506.850.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.808.220.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	1.506.850.000

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.600.000	1.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.600.000	1.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	93.150	93.150
- Cổ phiếu phổ thông	93.150	93.150
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.506.850	1.506.850
- Cổ phiếu phổ thông	1.506.850	1.506.850

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND): 10.000 VND

e) Các quỹ công ty

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.880.785.379	2.550.693.265
Quỹ dự phòng tài chính	1.242.894.213	1.246.894.213
	8.123.679.592	3.797.587.478

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

12 . DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.991.823.285	114.840.136.049
	85.991.823.285	114.840.136.049

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	83.617.675.732	101.683.462.669
	83.617.675.732	101.683.462.669

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	79.962.573	604.963.268
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	403.900.386	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	44.905.842	-
	528.768.801	604.963.268

15 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	143.443.204	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	391.859.501
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	329.819.758
	143.443.204	721.679.259

16 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thuế, phí, lệ phí	25.083.727	32.533.636
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.412.130.640	1.943.994.856
Chi phí khác bằng tiền	92.771.021	105.080.148
	1.529.985.388	2.081.608.640

17 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	91.838.366	58.425.799
Chi phí nhân công	3.054.011.920	2.915.468.993
Chi phí khấu hao tài sản cố định	185.283.654	205.522.000
Thuế, phí, lệ phí	2.426.502.431	1.439.647.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	960.308.977	712.010.095
Chi phí khác bằng tiền	3.008.182.562	3.626.837.696
	9.726.127.910	8.957.911.771

18 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Xử lý tăng thu nhập công nợ không phải trả	1.567.126.004	842.223.428
Thu nhập khác	27.394.000	1.178.820
	1.594.520.004	843.402.248

19 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Truy thu thuế và chi nộp phạt	-	663.230.217
Chi phí khác	3.270.354	-
	3.270.354	663.230.217

20 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.905.390.498)	2.180.609.009
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.366.952.583
Các khoản điều chỉnh tăng	-	1.366.952.583
- <i>Chênh lệch tạm thời của chi phí khấu hao</i>	-	131.072.608
- <i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	329.819.758
- <i>Chi phí không được khấu trừ</i>	-	242.830.000
- <i>Chi nộp phạt</i>	-	663.230.217
Tổng lợi nhuận tính thuế	(6.905.390.498)	3.547.561.592
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	886.890.398
Thuế TNDN được giảm theo TT154/2011/TT-BTC	-	(9.830.446)
Thuế TNDN truy thu	8.123.500	336.970.550
Thuế TNDN được giảm theo TT140/2012/TT-BTC	-	(210.864.429)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.123.500	1.003.166.073
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	417.789.128	919.489.571
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(757.606.914)	(1.504.866.516)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(331.694.286)	417.789.128

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(6.995.968.938)	1.259.897.876
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
Lợi nhuận/lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(6.995.968.938)	1.259.897.876
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.506.850	1.506.850
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.643)	836

22 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.471.559.387	-	10.177.788.626	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.694.896.409	-	16.213.680.318	-
	22.166.455.796	-	26.391.468.944	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	2.128.853.561	-
Phải trả người bán, phải trả khác	7.921.700.909	9.240.467.277
	10.050.554.470	9.240.467.277

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.471.559.387	-	-	1.471.559.387
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.694.896.409	-	-	20.694.896.409
	<u>22.166.455.796</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>22.166.455.796</u>
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.177.788.626	-	-	10.177.788.626
Phải thu khách hàng, phải thu khác	16.213.680.318	-	-	16.213.680.318
	<u>26.391.468.944</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>26.391.468.944</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	2.128.853.561	-	-	2.128.853.561
Phải trả người bán, phải trả khác	7.921.700.909	-	-	7.921.700.909
	<u>10.050.554.470</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10.050.554.470</u>

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.098.051.477	1.142.415.800	-	9.240.467.277
	<u>8.098.051.477</u>	<u>1.142.415.800</u>	<u>-</u>	<u>9.240.467.277</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
		VND
- Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	765.238.927	1.250.367.582

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam (AASCS) kiểm toán.

Người lập



Nguyễn Thị Lý

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lý

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014

Giám đốc



Huỳnh Tấn Tài